

Số: 86/QĐ-ĐTC

Tân Phú, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách được hỗ trợ học phí
Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐẶNG TRẦN CÔN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành Phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 6814/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định trong điều lệ trường Trung học cơ sở;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay Trường Trung học cơ Đặng Trần Côn quận Tân Phú phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí năm học 2022-2023, như sau:

Học sinh được hỗ trợ lớp 6,7,8,9: 24 học sinh (Danh sách đính kèm)

Tổng tiền: 11.760.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế toán Trường Trung học cơ Đặng Trần Côn, các ban, ngành, đoàn thể, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cơ quan chủ quản (để b/c);
- Lưu (VT).



Nguyễn Văn Hùng

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC NHẬN TIỀN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2022 - 2023**

Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ
(Đính kèm Quyết định số 86/QĐ-ĐTC ngày 24/3/2023 của Trường THCS Đặng Trần Côn)

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng		Số tiền	Tỷ lệ được hỗ trợ	Thành tiền		Tổng tiền	Ghi chú
			HKI	HKII			HKI	HKII		
A	B	C	1	2	3	4	5=1x3x4	6=2x3x4	7=5+6	C
1	Trần Nam Khánh	7/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 27019000037 Ngày 27/11/2019
2	Nguyễn Kim Ngân	7/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 2749000100 Ngày 08/04/2022
3	Nguyễn Quốc Anh	7/7	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP/0141 Ngày 02/10/2015
4	Nguyễn Tiến An	8/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 2701600025 Ngày 16/06/2020
5	Nguyễn Như Nam Tiến	8/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 27013.384 Ngày 16/11/2022
6	Đỗ Quang Tùng	8/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/TP/HCM/265 Ngày 07/11/2020
7	Nguyễn Quốc Anh	8/2	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 55/Nha/HPh265 Ngày 19/07/2017
8	Trịnh Phạm Minh Khôi	8/3	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 27019000035 Ngày 04/11/2019
9	Nguyễn Thiên Phúc	8/4	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP264 Ngày 05/11/2018
10	Nguyễn Thế Tiến	8/6	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP/234 Ngày 01/10/2019
11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8/7	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 04MĐLT68 Ngày 29/05/2014



Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng		Số tiền	Tỷ lệ được hỗ trợ	Thành tiền		Tổng tiền	Ghi chú
			HKI	HKII			HKI	HKII		
12	Nguyễn Đình Bảo Sơn	9/4	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 27370000180 Ngày 01/12/2019
13	Nguyễn Hoàng Lộc	9/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP/187 Ngày 29/10/2015
14	Huỳnh Nhật Tiến	9/4	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP/218 Ngày 11/03/2019
15	Đinh Phạm Phương Thủy	9/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Học sinh Khuyết tật GCN 08/HCM/TP/224 Ngày 25/03/2019
16	Nguyễn Ngọc Phương Linh	8/4	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	020015HN
17	Vũ Đình Thuận	9/2	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	030059HN
18	Võ Hoàng Kỳ Duyên	9/4	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	030128HN
19	Nguyễn Vương Thịnh	8/4	4		60.000	100%	240.000	-	240.000	767270160100004HN
20	Trần Huỳnh Trà My	7/4		5	60.000	100%	-	300.000	300.000	27013080140HN
21	Nguyễn Đăng Khôi	8/6	4	5	60.000	50%	120.000	150.000	270.000	76727019050109HCN
22	Nguyễn Vương Thịnh	8/4		5	60.000	50%	-	150.000	150.000	767270160100004HCN
23	Nguyễn Lan Ngọc Yến	9/1	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Con thương binh số GCN 112.055/3.756.BT
24	Nguyễn Hồ Ngọc Thảo	8/6	4	5	60.000	100%	240.000	300.000	540.000	Con thương binh số GCN 112.055/3.756.BT
TỔNG CỘNG			88	115		23	5.160.000	6.600.000	11.760.000	

Bảng chữ: Mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Thuyết

Ghi chú:

- Mức hỗ trợ hàng tháng: 60.000 đồng/học sinh/tháng
- Học kỳ I: 04 tháng - Học kỳ II: 05 tháng

Tân Phú, ngày tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hùng